

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - ĐÀ NẴNG**

Bản án số: **64/2026/HS-ST**
Ngày 11-6-2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Châu Thị Kim Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tám;
2. Bà Lưu Thị Thanh Hương.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Liêm, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Ngô Thanh An - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2026/TLST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1005/2026/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2026 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 1006/2026/TB-TA ngày 27 tháng 5 năm 2026, đối với bị cáo:

Lê Văn D, sinh ngày 05 tháng 4 năm 1992, tại **xã T, thành phố Đà Nẵng**; nơi cư trú: **thôn A, xã T, thành phố Đà Nẵng**; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ngoài giá thú, mẹ: bà **Lê Thị L**, sinh năm 1962; có vợ là **Võ Thị Nguyên L1**, sinh năm 1997 và 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. *Có mặt.*

- Bị hại: ông **Trần Ngọc D1**, sinh năm 1966 (đã chết).

Địa chỉ: **thôn H, xã T, thành phố Đà Nẵng.**

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:

+ Bà **Lê Thị B**, sinh năm 1967 (vợ ông **D1**).

+ Anh **Trần Lê Ngọc D1**, sinh năm 1995 (con ruột ông **D1**). *Có mặt.*

Cùng địa chỉ: thôn H, xã T, thành phố Đà Nẵng.

+ Chị **Trần Lê Thị L2**, sinh năm 1986 (con ruột ông **D1**). *Vắng mặt.*

Địa chỉ: thôn M, xã T, thành phố Đà Nẵng.

(Bà **Lê Thị B** ủy quyền cho anh **Trần Lê Ngọc D1** tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền lập ngày 24/11/2025).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị **Đặng Thị Phương D2**, sinh năm 1995. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: thôn H, xã T, thành phố Đà Nẵng.

+ Anh **Đặng Phước L3**, sinh năm 1996. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: thôn D, xã T, thành phố Đà Nẵng.

+ Anh **Nguyễn Đức P**, sinh năm 1979. *Có mặt.*

Địa chỉ: xóm Đ, thôn H, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 10/11/2025, bị cáo **Lê Văn D** (có giấy phép lái xe hạng C, không có nồng độ cồn trong máu và âm tính với chất ma túy) điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 76C-139.74 (không chở hàng) xuất phát từ **cảng cá T**, lưu thông theo tuyến đường ĐT619 hướng về **cảng K thuộc xã N, thành phố Đà Nẵng**.

Đến khoảng 08 giờ 15 phút cùng ngày, khi xe ô tô do bị cáo điều khiển đến Km26 đường ĐT619, đoạn gần ngã tư giao nhau với **đường Đ.1 thuộc thôn B, xã T, thành phố Đà Nẵng**. Đây là đoạn đường đôi, mặt đường được trải nhựa bằng phẳng, đường thẳng, tầm nhìn không bị vật cản che khuất. Ở giữa đường có dải phân cách cố định rộng 4,25m, chia đường thành hai phần đường riêng biệt dành cho các phương tiện lưu thông ngược chiều nhau; tại khu vực giao lộ có điểm mở dải phân cách dài 30m để các phương tiện chuyển hướng. Phần đường bên phải theo hướng **xã T đi phường B** có bề rộng 10m, được kẻ vạch chia thành ba làn đường lưu thông gồm: làn số 1 sát dải phân cách rộng 3,43m; làn số 2 rộng 3,45m; làn số 3 sát lề đường rộng 2,35m. Trên lề phải của đường ĐT619 theo hướng **xã T đi phường B** có lắp đặt hệ thống biển báo giao thông gồm: 01 biển báo nguy hiểm “*Giao nhau với đường không ưu tiên*” và 01 biển báo nguy hiểm “*Đi chậm*” đặt cách ngã tư khoảng 150m; 01 biển báo chỉ dẫn “*Điểm dừng xe buýt*” đặt cách ngã tư khoảng 75m; 01 biển báo chỉ dẫn “*Vị trí người đi bộ sang ngang*” đặt tại vị trí tương ứng với vạch kẻ đường dành cho người đi bộ sang đường.

Bị cáo điều khiển xe ô tô tải lưu thông ở làn đường số 1 với tốc độ khoảng 70 km/h và vẫn giữ nguyên tốc độ. Cùng thời điểm này, phía trước cùng chiều với xe ô tô do bị cáo điều khiển có ông **Trần Ngọc D1** không có nồng độ cồn trong máu và âm tính với chất ma túy, điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 92H1-323.28 lưu thông ở làn đường số 3. Khi xe ô tô do bị cáo điều khiển còn cách xe mô tô của ông **Trần Ngọc D1** khoảng 20m thì ông **D1** điều khiển xe mô tô chuyển hướng sang trái để đi vào giao lộ. Bị cáo không chú ý quan sát và không giảm tốc độ nên xe ô tô do bị cáo điều khiển tông vào phía sau xe mô tô của ông **D1** làm xe mô tô và ông **D1** ngã xuống mặt đường. Ông **D1** bị thương nặng, được người dân đưa đi cấp cứu tại bệnh viện nhưng đã tử vong cùng ngày.

Tại Kết luận giám định tử thi số 1307/KLGĐTT ngày 14/11/2025 của **Phòng K Công an thành phố Đ** kết luận nguyên nhân chết của ông **Trần Ngọc D1** là đa chấn thương.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 10/BKL-HĐĐGTS ngày 10/02/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **xã T**, xác định thiệt hại đối với xe ô tô biển kiểm soát 76C-139.74 là 2.295.000 đồng và tại Bản kết luận định giá tài sản số 09/BKL-HĐĐGTS ngày 10/02/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **xã T**, xác định thiệt hại đối với xe mô tô biển kiểm soát 92H1-323.28 là 719.300 đồng.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: 01 xe ô tô tải biển kiểm soát 76C-139.74; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 76C-139.74; 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe; 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 92H1-323.28; 01 Giấy phép lái xe mang tên **Lê Văn D**.

Tại Cáo trạng số 12/CT-VKSKV6-HS ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng đã truy tố bị cáo **Lê Văn D** về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố tại bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Lê Văn D** phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Về hình phạt: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo **Lê Văn D** mức án từ 12 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 36 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 150.000.000 đồng. Đại diện hợp pháp của gia đình bị hại đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề nghị xem xét.

Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị trả lại cho bị cáo 01 Giấy phép lái xe mang tên **Lê Văn D**.

Tại phiên tòa: bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Người đại diện hợp pháp của bị hại - anh **Trần Lê Ngọc D1** không yêu cầu bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có điều kiện chăm lo cho gia đình và mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại - chị **Trần Lê Thị L2** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị **Đặng Thị Phương D2**, anh **Đặng Phước L3** có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy họ đã có lời khai tại hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố Đ**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử kết luận:

Bị cáo **D** được **Sở Giao thông vận tải tỉnh Q** cấp Giấy phép lái xe hạng C theo đúng quy định của pháp luật và đang còn hiệu lực.

Vào lúc 08 giờ 15 phút ngày 10/11/2025, bị cáo **D** điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 76C-139.74 đi trên đường ĐT619 hướng **cảng K thuộc xã N, thành phố Đà Nẵng**. Khi đến giao lộ với đường ĐH1, bị cáo không chú ý quan sát, không giảm tốc độ để đảm bảo an toàn tại nơi có biển báo giao nhau với đường không ưu tiên, biển báo hiệu dành cho người đi bộ, biển báo hiệu đi chậm, có vạch giảm tốc trên mặt đường và cảnh báo nguy hiểm, dẫn đến tông vào xe mô tô biển kiểm soát 92H1-323.28 do ông **Trần Ngọc D1** đang điều khiển chuyển làn đường khiến ông **D1** tử vong. Hành vi của bị cáo **D** vi phạm Điều 10, điểm a khoản 3 Điều 12 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Do đó, bị cáo **D** đã phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Bản Cáo trạng số 12/CT-VKSKV6-HS ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Mọi công dân khi tham gia giao thông đều phải nghiêm chỉnh chấp hành Luật giao thông đường bộ để bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản của mình và của người khác. Bị cáo có Giấy phép lái xe hợp lệ và có đầy đủ nhận thức về sự nguy hiểm khi điều khiển xe ô tô tham gia giao thông, nhưng bị cáo đã không chú ý quan sát, không giảm tốc độ để đảm bảo an toàn tại nơi giao nhau với đường không ưu tiên, biển báo hiệu dành cho người đi bộ, biển báo hiệu đi chậm, có vạch giảm tốc trên mặt đường và cảnh báo nguy hiểm; bị hại điều khiển xe mô tô tham gia giao thông khi không có giấy phép lái xe theo quy định, chuyển làn đường không chú ý quan sát và chưa đảm bảo an toàn. Như vậy, nguyên nhân gây ra vụ tai nạn là do lỗi hỗn hợp, nhưng phần lỗi chính thuộc về bị cáo. Do đó, khi lượng hình Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo một mức án thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ lỗi và hậu quả do bị cáo gây ra, thể hiện được tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5]. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã bồi thường xong thiệt hại cho gia đình bị hại; người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo hiện là lao động chính trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý, giáo dục cũng đủ răn đe đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, đến nay bị cáo đã bồi thường xong cho gia đình bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Đối với 01 xe ô tô tải biển kiểm soát 76C-139.74; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 76C-139.74; 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe và 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 92H1-323.28, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu theo đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 Giấy phép lái xe hạng C số 490169008155 cấp ngày 08/11/2021 mang tên **Lê Văn D**. Đây là giấy tờ thuộc sở hữu của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

[8]. Về những nội dung khác trong vụ án: Ông **Trần Ngọc D1** điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 92H1-323.28 không có Giấy phép lái xe theo quy định. Xe mô tô biển kiểm soát 92H1-323.28 thuộc sở hữu của chị **Đặng Thị Phương D2** (là con dâu của ông **D1**). Vào ngày 10/11/2025, chị **D2** đã nhập viện sinh con tại **Bệnh viện Đ** (nhập viện ngày 02/11/2025, xuất viện lúc 15 giờ ngày 10/11/2025) và để xe mô tô này ở nhà. Ông **D1** tự ý lấy xe đi, chị **D2** không giao xe và cũng không biết việc ông **D1** tự lấy xe đi xảy ra tai nạn làm ông **D1** tử vong. Do đó, không đề cập xử lý chị **Đặng Thị Phương D2** về hành vi “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ*” là có cơ sở.

[9]. Về án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo **Lê Văn D** phải chịu theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Lê Văn D** phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Xử phạt bị cáo **Lê Văn D** 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án (11-6-2026).

Giao bị cáo **Lê Văn D** cho **Ủy ban nhân dân xã T**, thành phố Đà Nẵng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trả lại cho bị cáo **D**: 01 Giấy phép lái xe hạng C số 490169008155 cấp ngày 08/11/2021 mang tên **Lê Văn D**.

(Vật chứng đã được giao trả cho bị cáo theo biên bản giao nhận lập ngày 11/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng)

3. Về án phí: căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo **Lê Văn D** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (11-6-2026). Riêng người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích chế định án treo)

Nơi nhận:

- Vụ GDKT về Hình sự;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 6 - Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 6 - Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Đà Nẵng (Tổ công tác Khu vực 4);
- Phòng PV06 Công an TP. Đà Nẵng;
- Bị cáo, người TGTG khác;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Kim Phụng

